

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phân bổ hạt giống lúa do Trung ương hỗ trợ
từ nguồn dự trữ Quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Dự trữ quốc gia ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định 126/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực dự trữ quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BTC ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quy trình, trình tự, thủ tục thực hiện phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực dự trữ quốc gia và nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ và viện trợ;

Căn cứ Quyết định số 4118/QĐ-BNNMT ngày 06/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc xuất hạt giống cây trồng từ nguồn dự trữ quốc gia hỗ trợ tỉnh Thanh hóa khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1333/TTr-SNNMT ngày 29/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ hạt giống lúa do Trung ương hỗ trợ từ nguồn dự trữ quốc gia cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để khắc phục thiệt hại do ảnh hưởng của bão số 3, số 5 và số 6 năm 2025, cụ thể như sau:

- Tổng khối lượng hạt giống lúa: 1.601.410 kg, bao gồm các giống: Khang dân đột biến (453.350 kg), Thiên ưu 8 (443.530 kg), Đài thơm 8 (159.200 kg), Bắc thơm 7 (100.000 kg), Nếp 97 (396.800 kg), VNR20 (8.890 kg), J02 (39.640 kg). *(Chi tiết có phụ lục kèm theo).*

- Thời gian tiếp nhận: Xong trước ngày 15/12/2025.

- Địa điểm tiếp nhận: Tại Trụ sở UBND các xã, phường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về tính chính xác của số liệu báo cáo, nội dung tham mưu phân bổ hạt giống lúa do Trung ương hỗ trợ từ nguồn dự trữ quốc gia cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để khắc phục thiệt hại do ảnh hưởng của bão số 3, số 5 và số 6 năm 2025.

2. Giao và ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường làm đầu mối phối hợp, tiếp nhận hạt giống cây trồng do Trung ương hỗ trợ từ nguồn dự trữ quốc gia; phối hợp với các đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn UBND các xã, phường tổ chức cấp phát, sử dụng hạt giống cây trồng được hỗ trợ đúng mục đích, đúng đối tượng, số lượng, chủng loại. Tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm tiếp nhận, bảo quản, cấp phát và phối hợp đơn vị cung cấp hướng dẫn Nhân dân sử dụng hạt giống cây trồng đảm bảo kịp thời vụ, đủ số lượng theo quy định; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra chất lượng các lô hạt giống được hỗ trợ; báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

**Phụ lục: Phân bổ hạt giống lúa do Trung ương hỗ trợ từ nguồn
dự trữ quốc gia để khắc phục thiệt hại do bão số 3, số 5, số 6 năm 2025
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

ĐVT: Kg

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Công ty CP Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam						Công ty CP Giống cây trồng - Vật nuôi Thừa Thiên Huế
			Khang dân đột biến (NC)	Thiên ưu 8 (XN1)	Đài thơm 8 (XN1)	Bắc thơm 7 (NC)	Nếp 97 (NC)	VNR20 (XN1)	J02 (XN1)
	TỔNG SỐ	1.601.410	453.350	443.530	159.200	100.000	396.800	8.890	39.640
1	P. Quảng Phú	40.500		15.000	12.500	3.000	10.000		
2	P. Đông Quang	36.800	10.000	10.300	8.500	2.000	6.000		
3	P. Đông Sơn	23.700	8.000	6.200	5.500	2.000	2.000		
4	P. Đông Tiến	32.300	11.000	9.100	5.000	2.000	4.000		1.200
5	P. Hàm Rồng	12.500	5.500	5.500	500	200			800
6	P. Nguyệt Viên	16.650	5.500	4.500	2.000	2.000	2.000		650
7	P. Sầm Sơn	4.000		2.000	1.000		1.000		
8	P. Nam Sầm Sơn	4.700		1.500	500	600	2.100		
9	P. Bim Sơn	20.000	7.000			1.000	9.000		3.000
10	P. Quang Trung	2.600		400		200	2.000		
11	P. Ngọc Sơn	4.500		1.500			3.000		
12	P. Tân Dân	4.500		1.500		1.000	2.000		
13	P. Hải Lĩnh	5.350		2.500		850	2.000		
14	P. Đào Duy Từ	5.500	4.000	1.000			500		
15	P. Trúc Lâm	3.500	2.600	300		100	500		
16	Xã Các Sơn	26.000	21.000				5.000		
17	Xã Hà Trung	15.500	8.500	4.000	3.000				
18	Xã Tống Sơn	33.000	13.000	7.000	8.000		5.000		
19	Xã Hà Long	30.000	7.000	6.000	6.000	1.000	10.000		
20	Xã Hoạt Giang	19.500	3.000	4.800	3.500		8.200		
21	Xã Lĩnh Toại	13.200		4.500	3.700	1.000	4.000		

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Công ty CP Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam						Công ty CP Giống cây trồng - Vật nuôi Thừa Thiên Huế
			Khang dân đột biến (NC)	Thiên ưu 8 (XN1)	Đài thơm 8 (XN1)	Bắc thơm 7 (NC)	Nếp 97 (NC)	VNR20 (XN1)	J02 (XN1)
22	Xã Triệu Lộc	33.000	8.000	10.000	5.000	2.000	8.000		
23	Xã Đông Thành	40.250	10.750	14.000		3.000	12.000	500	
24	Xã Hậu Lộc	33.000	9.000	10.000	5.000	2.000	7.000		
25	Xã Hoa Lộc	17.000	5.000	6.000	2.000	1.000	3.000		
26	Xã Vạn Lộc	19.700	5.000	7.000	3.000	2.000	2.000		700
27	Xã Nga Sơn	3.000					3.000		
28	Xã Nga Thắng	8.500		2.000	2.500	1.000	3.000		
29	Xã Hồ Vương	4.500		1.000	2.500	1.000			
30	Xã Tân Tiến	16.300	6.500	4.000	3.000	800	2.000		
31	Xã Nga An	40.550	16.000	3.000	4.000	3.500	13.550	500	
32	Xã Ba Đình	4.600		1.400	1.200		2.000		
33	Xã Hoàng Hóa	28.500	8.000	7.500	5.000	4.500	3.500		
34	Xã Hoàng Tiến	9.700		4.500	2.200	1.000	2.000		
35	Xã Hoàng Thanh	9.000	2.300	1.000	2.200	1.500	2.000		
36	Xã Hoàng Lộc	6.700		1.500	2.200	1.000	2.000		
37	Xã Hoàng Châu	9.200	2.000	2.500	2.200	500	2.000		
38	Xã Hoàng Sơn	16.000		8.000	5.000	3.000			
39	Xã Hoàng Phú	16.500		6.000	4.500	1.000	5.000		
40	Xã Hoàng Giang	17.000	4.000	4.000	4.000	1.000	4.000		
41	Xã Lưu Vệ	6.500		2.500	2.000		2.000		
42	Xã Quảng Yên	9.500		500	2.000		7.000		
43	Xã Quảng Ngọc	3.000			1.500		1.500		
44	Xã Quảng Ninh	13.400		2.000	5.000	1.800	4.000		600
45	Xã Quảng Bình	3.000			2.500		500		
46	Xã Tiên Trang	3.000			1.500		1.500		

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Công ty CP Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam						Công ty CP Giống cây trồng - Vật nuôi Thừa Thiên Huế
			Khang dân đột biến (NC)	Thiên ưu 8 (XN1)	Đài thơm 8 (XN1)	Bắc thơm 7 (NC)	Nếp 97 (NC)	VNR20 (XN1)	J02 (XN1)
47	Xã Quảng Chính	500		500					
48	Xã Nông Công	16.300	10.000	2.300	500		3.000		500
49	Xã Thắng Lợi	24.000	11.500	5.500	500	500	6.000		
50	Xã Trung Chính	25.500	11.500	6.000	500	500	7.000		
51	Xã Trường Văn	10.500	5.000	2.000	500		3.000		
52	Xã Thăng Bình	13.500	8.000		4.000		500		1.000
53	Xã Tượng Lĩnh	12.000	7.000	2.000			2.500	500	
54	Xã Công Chính	11.500	6.500	2.000	500		2.000		500
55	Xã Thiệu Hóa	25.000		14.000	5.000		5.000		1.000
56	Xã Thiệu Quang	38.800	11.000	14.000	7.000		5.000		1.800
57	Xã Thiệu Tiến	14.800	4.800	4.000	2.000	1.000	3.000		
58	Xã Thiệu Toán	29.800		10.000		2.500	15.500		1.800
59	Xã Thiệu Trung	23.800	8.000	7.000		1.000	6.000		1.800
60	Xã Yên Định	16.900	5.000	5.000	2.000	1.500	2.000		1.400
61	Xã Yên Trường	6.400	500	1.300	1.000		2.000		1.600
62	Xã Yên Phú	10.650	3.500	3.200		450	2.000		1.500
63	Xã Quý Lộc	19.140	2.800	7.000	2.000	2.500	3.000		1.840
64	Xã Yên Ninh	18.500	8.000	5.000		1.000	3.000		1.500
65	Xã Định Tân	28.900	12.500	7.000		2.000	6.000		1.400
66	Xã Định Hòa	32.850	10.000	8.000	3.000	2.000	8.000	250	1.600
67	Xã Thọ Xuân	11.000	5.000	4.000		1.000	500	500	
68	Xã Thọ Long	11.490	5.000	2.300	200	1.000	1.100	740	1.150
69	Xã Xuân Hòa	10.800	3.200	3.000		1.000	3.000	600	
70	Xã Sao Vàng	17.200	8.000	4.000		1.500	3.000	700	
71	Xã Lam Sơn	3.100	500	1.000		1.000			600

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Công ty CP Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam						Công ty CP Giống cây trồng - Vật nuôi Thừa Thiên Huế
			Khang dân đột biến (NC)	Thiên ưu 8 (XN1)	Đài thơm 8 (XN1)	Bắc thơm 7 (NC)	Nếp 97 (NC)	VNR20 (XN1)	J02 (XN1)
72	Xã Thọ Lập	15.800	6.500	4.000		1.000	3.000	500	800
73	Xã Xuân Tín	11.200	4.800	1.600		1.000	2.500	500	800
74	Xã Xuân Lập	29.000	10.000	10.000	500	1.500	6.000		1.000
75	Xã Vĩnh Lộc	35.100	10.000	10.000		3.200	10.000		1.900
76	Xã Tây Đô	19.800	7.000	7.000		1.000	3.000		1.800
77	Biện Thượng	18.600	6.000	7.000		1.000	4.000	600	
78	Xã Triệu Sơn	21.300	8.800	7.000		1.000	4.000		500
79	Xã Thọ Bình	3.100	500			600	2.000		
80	Xã Thọ Ngọc	17.500	7.500	4.500		1.000	4.500		
81	Xã Thọ Phú	25.000	8.000	7.000		2.000	7.000		1.000
82	Xã Hợp Tiến	9.000	5.500				3.500		
83	Xã An Nông	8.100	2.700	2.400		1.000	2.000		
84	Xã Tân Ninh	8.100	1.500	1.000		1.000	4.000		600
85	Xã Đồng Tiến	16.800	8.000	3.800		1.000	4.000		
86	Xã Pù Nhi	500		200	100	200			
87	Xã Hồi Xuân	500					500		
88	Xã Nam Xuân	700		400			300		
89	Xã Thiên Phú	1.200		500			700		
90	Xã Hiền Kiệt	800		400			400		
91	Xã Phú Xuân	500					500		
92	Xã Phú Lệ	700		400			300		
93	Xã Trung Thành	500				200	300		
94	Xã Na Mèo	500					500		
95	Xã Sơn Thủy	700		400			300		
96	Xã Sơn Điện	1.400		1.000			400		

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Công ty CP Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam						Công ty CP Giống cây trồng - Vật nuôi Thừa Thiên Huế
			Khang dân đột biến (NC)	Thiên ưu 8 (XN1)	Đài thơm 8 (XN1)	Bắc thơm 7 (NC)	Nếp 97 (NC)	VNR20 (XN1)	J02 (XN1)
97	Xã Mường Min	700					700		
98	Xã Tam Thanh	1.400		700			700		
99	Xã Tam Lư	1.600		400			1.200		
100	Xã Quan Sơn	1.000		500			500		
101	Xã Trung Hạ	2.200		1.200			700		300
102	Xã Linh Sơn	1.800		1.000			800		
103	Xã Văn Phú	1.400		700			700		
104	Xã Giao An	1.300		700			600		
105	Xã Yên Khương	1.300		700			600		
106	Xã Yên Thắng	1.800		1.000			800		
107	Xã Văn Nho	800		400			400		
108	Xã Thiết Ống	1.500		1.000			500		
109	Xã Bá Thước	2.800		2.400					400
110	Xã Cổ Lũng	1.500		1.000			500		
111	Xã Pù Luông	1.200		600			600		
112	Xã Điền Lư	3.000		3.000					
113	Xã Điền Quang	1.700		1.000			700		
114	Xã Quý Lương	4.000		2.000		1.000	1.000		
115	Xã Ngọc Lặc	1.200		600			600		
116	Xã Thạch Lập	4.500	3.000	500			1.000		
117	Xã Ngọc Liên	3.900		500		500	2.000		900
118	Xã Minh Sơn	5.500		5.000		500			
119	Xã Nguyệt Ấn	3.300	1.100	1.200		1.000			
120	Xã Kiên Thọ	2.500	500	1.500			500		
121	Xã Cẩm Thạch	15.430	5.000	2.430		3.000	5.000		

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Công ty CP Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam						Công ty CP Giống cây trồng - Vật nuôi Thừa Thiên Huế
			Khang dân đột biến (NC)	Thiên ưu 8 (XN1)	Đài thơm 8 (XN1)	Bắc thơm 7 (NC)	Nếp 97 (NC)	VNR20 (XN1)	J02 (XN1)
122	Xã Cẩm Thủy	5.500	2.000	2.000			1.500		
123	Xã Cẩm Tú	3.000		1.500			1.500		
124	Xã Cẩm Vân	4.000	500	1.000		500	2.000		
125	Xã Cẩm Tân	3.500	1.500			500			1.500
126	Xã Kim Tân	31.000	6.000	5.000		5.000	15.000		
127	Xã Vân Du	9.500	3.000	5.000			1.500		
128	Xã Thạch Bình	23.000	5.000	3.000			15.000		
129	Xã Thành Vinh	10.000	4.000	1.000			5.000		
130	Xã Thạch Quảng	2.000	500	1.000			500		
131	Xã Như Xuân	1.800		800			1.000		
132	Xã Thượng Ninh	1.500	500	800			200		
133	Xã Xuân Bình	1.700		1.000		300	400		
134	Xã Hóa Quý	2.050	500	550		500	500		
135	Xã Thanh Quân	1.200	500	400			300		
136	Xã Thanh Phong	1.700		1.200			500		
137	Xã Mậu Lâm	2.700	500	1.500		500	200		
138	Xã Yên Thọ	2.500	500	2.000					
139	Xã Xuân Thái	1.200	500	250			250		200
140	Xã Thanh Kỳ	2.000	500	800			700		
141	Xã Bát Mọt	1.600	500	400		300	400		
142	xã Yên Nhân	2.200		1.000	200		1.000		
143	Xã Lương Sơn	1.100		500			100	500	
144	Xã Thường Xuân	1.300		600			300	400	
145	Xã Luận Thành	5.600		3.500			300	1.800	
146	Xã Tân Thành	3.000	500	2.000			500		

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Công ty CP Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam						Công ty CP Giống cây trồng - Vật nuôi Thừa Thiên Huế
			Khang dân đột biến (NC)	Thiên ưu 8 (XN1)	Đài thơm 8 (XN1)	Bắc thơm 7 (NC)	Nếp 97 (NC)	VNR20 (XN1)	J02 (XN1)
147	Xã Vạn Xuân	1.600		700		700	200		
148	Xã Thắng Lợi	800		300			200	300	
149	Xã Xuân Chinh	2.000		1.000			1.000		